

Phú Cường, ngày 26 tháng 08 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

NĂM HỌC: 2024 – 2025

Căn cứ vào nội dung bồi dưỡng chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo.
Hướng dẫn xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục Nhà trẻ và Mẫu giáo;

Nhóm trẻ 25 – 36 tháng trường mầm non Hoa Lan xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục Nhà trẻ năm học 2024 - 2025 như sau:

A/ PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ LỚP

- Nhà trẻ: 01 nhóm (Nhóm 25 – 36 tháng tuổi) là 13 trẻ
- + **Giáo viên:** Có 2 giáo viên
 1. Hoàng Thị Lệ
 2. Ngô Hồng Vui
- + **Trình độ :** Đại học: 1 GV
Cao đẳng: 1GV

B/ PHẦN II: MỤC TIÊU GIÁO DỤC VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

I. MỤC TIÊU CHUNG

1. Mục tiêu chương trình giáo dục trẻ Nhà trẻ: (4 lĩnh vực)

Nhóm 25 – 36 tháng tuổi:

a/ Phát triển thể chất:

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể)
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

b/ Phát triển nhận thức:

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu hỏi đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.

c/ Phát triển ngôn ngữ:

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

d/Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ:

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, nặn, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện.

II/ MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ

1. NHÀ TRẺ:

Nhóm 25 – 36 tháng tuổi:

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN	STT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	1	- Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	- Hô hấp, tập hít vào, thở ra - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vận người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
	2	- Phối hợp, tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	* Tập bò, trườn - Bò thẳng hướng và có vật trên lưng - Bò chui qua cổng. - Bò, trườn qua vật cản
	3	- Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có mang vật trên tay.	* Tập đi, chạy: - Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp. - Đi có mang vật trên tay. - Chạy theo hướng thẳng. - Đứng co một chân.
	4	- Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách	* Tập nhún, bật: - Bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ

	1m; ném vào đích xa 1 – 1,2 m.	* Tập tung, ném, bắt: - Tung - bắt bóng cùng cô ở khoảng cách 1 m. - Ném bóng vào đích xa 1 – 1,2 m - Ném bóng về phía trước.
5	- Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m)	- Ném xa lên phía trước bằng một tay tối thiểu 1,5m. - Ném bóng qua dây.
6	- Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé.
7	- Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật. - Tập khâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6 – 8 khối - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách.
8	- Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống.
9	- Ngủ một giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.
10	- Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống sôi; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; Bỏ rác đúng nơi quy định.
11	- Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)	* Tập tự phục vụ: - Tự xúc cơm ăn, lấy ca uống nước. - Tự mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cời quần áo khi bị bẩn, bị ướt. - Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản rửa tay, lau mặt với sự giúp đỡ của người lớn.

	12 - Biết đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc áo ấm khi trời lạnh. 13 - Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở. 14 - Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Không chạy chơi trên lòng đường - Không chơi gần ao, hồ, giếng... - Tránh nơi bếp đang đun, phích nước nóng, xô đựng nước... - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. - Không leo trèo lên lan can khi được nhắc nhở. - Không chơi nghịch các vật sắc nhọn
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	15 - Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng. 16 - Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi, sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. 17 - Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi. 18 - Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi. 19 - Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng, mềm, trơn (nhẵn)- xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt-mặn - chua) - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Số lượng một - nhiều - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên cô giáo, các bạn trong nhóm/lớp. - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.

		vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc.
	20	- Biết chỉ/nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh.
	21	- Biết lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước to - nhỏ. - Hình tròn, hình vuông - Vị trí trong không gian (trên, dưới, trước, sau) so với bản thân trẻ.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	22	- Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 – 3 hành động. VD: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.
	23	- Trả lời các câu hỏi: Ai đây? Cái gì đây? ... làm gì? Thế nào?...	- Nghe các câu hỏi: Cái gì? Làm gì? Để làm gì? Ở đâu? Như thế nào? - Trả lời và đặt các câu hỏi : Cái gì? Làm gì? Để làm gì? Ở đâu? Tại sao?.
	24	- Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.
	25	- Phát âm rõ tiếng.	- Biết sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp.
	26	- Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 – 4 tiếng.
	27	- Nói được câu đơn, câu có 5 – 7 tiếng có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp
	28	- Biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi, trò chuyện. + Biết bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Biết hỏi về các vấn đề quan tâm như “Con gì đây? Cái gì đây?”...	- Chào hỏi, trò chuyện - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 – 2 câu đơn giản và câu dài. - Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì? Làm gì? Ở đâu?... Thế nào? để làm gì? Tại sao?...
	29	- Nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói

			chuyện với người lớn.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MĨ	30	- Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.
	31	- Biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.
	32	- Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên
	33	- Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.
	34	- Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.
	35	- Biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi. bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các con vật nuôi. - Gọi tên, bắt chước tiếng kêu của một số con vật quen thuộc, gần gũi.
	36	- Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, xin lỗi, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, xin lỗi, nói từ dạ, vâng ạ, chơi cạnh bạn, không cầu bạn.
	37	- Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (bê em, khuấy bột, cho em bé ăn, nghe điện thoại...)	- Chơi trò chơi bé em, khuấy bột cho em ăn, nghe điện thoại. - Trò chuyện với em khi cho em ăn, chơi với em.
	38	- Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
	39	- Thực hiện được một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện một số qui định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.
	40	- Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau, nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
	41	- Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn , xé, vò, xếp hình. - Xem tranh

C/ PHẦN III: DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ CỦA NĂM HỌC

NHÀ TRẺ: Nhóm 25 – 36 tháng tuổi (12 chủ đề):

CHỦ ĐỀ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHỦ ĐỀ NHÁNH
*Trường mầm non của bé (3 tuần) <i>(Bé vui đến trường)</i>	Từ 09/09 đến 13/09/2024	Các bạn của bé ở lớp
	Từ 16/09 đến 20/09/2024	Đồ chơi của bé
	Từ 23/09 đến 27/09/2024	Đồ dùng cá nhân bé
* Gia đình thân yêu của bé (2 tuần)	Từ 30/09 đến 04/10/2024	Những người thân yêu của bé
	Từ 07/10 đến 11/10/2024	Công việc làm của những người trong gia đình bé
* Nhà bé có những đồ dùng nào ? (3 tuần) <i>(Ngày hội của bà, mẹ, cô giáo, các bạn và em gái 20/10)</i>	Từ 14/10 đến 18/10/2024	Đồ dùng nấu ăn
	Từ 21/10 đến 25/10/2024	Đồ dùng ăn uống
	Từ 28/10 đến 01/11/2024	Đồ dùng sinh hoạt trong gia đình bé
* Các loại rau, củ, quả và những bông hoa đẹp (4 tuần) <i>(Kỷ niệm ngày nhà giáo Việt Nam 20/11)</i>	Từ 04/11 đến 08/11/2024	Bé biết những loại rau nào ? (rau cải, rau muống, rau dền...)
	Từ 11/11 đến 15/11/2024	Bé đoán xem củ gì ? (củ cà rốt, củ cải, củ dền...)
	Từ 18/11 đến 22/11/2024	Các loại quả mà bé yêu thích (Quả bí, quả mướp, quả bầu...)

	Từ 25/11 đến 29/11/2024	Đố bé những loại hoa gì ? (hoa cúc , hồng hồng, hoa trang)
* Những con vật nuôi trong gia đình (4 tuần) (Kỷ niệm ngày thành lập QĐND Việt Nam 22/12)	Từ 02/12 đến 06/12/2024	Những con vật có 2 chân (Gà trống, gà mái)
	Từ 09/12 đến 13/12/2024	Đố bé con vật gì? (Con gà, con vịt)
	Từ 16/12 đến 20/12/2024	Những con vật có 4 chân (Con thỏ, con lợn)
	Từ 23/12 đến 27/12/2024	Những con vật quen thuộc (Con chó, con mèo, con bò...)
* Các loại trái cây quen thuộc (2 tuần)	Từ 30/12 đến 03/01//2025	Các loại quả dạng tròn (quả cam, quả bưởi, quả táo)
	Từ 06/01 đến 10/01/2025	Các loại quả dạng dài (Quả chuối, quả đu đủ)
* Các loại hoa, quả, bánh trong ngày tết (2 tuần)	Từ 13/01 đến 17/01/2025	Các loại hoa, quả trong ngày tết (tổng hợp)
	Từ 20/01 đến 24/01/2025	Các loại bánh trong ngày tết (bánh chưng, bánh tét,...)
Nghỉ tết nguyên đán 25/01/ 2025 ==> 02/02/2025		
* Phương tiện và luật giao thông (5 tuần) <i>(Ngày tế phụ nữ 8/3)</i>	Từ 03/02 đến 07/02/2025	Phương tiện giao thông đường bộ
	Từ 10/02 đến 14/02/2025	Phương tiện đường thủy
	Từ 17/02 đến 21/02/2025	Phương tiện đường sắt
	Từ 24/2 đến 28/2/2025	Phương tiện đường hàng không
	Từ 03/03 đến 07/03/2025	Các loại PTGT bé thích
* Bé biết con vật gì ? (3 tuần)	Từ 10/03 đến 14/03/2025	Các con vật sống dưới nước (Cá, tôm, cua, ốc)
	Từ 17/03 đến 21/03/2025	Những con vật sống trên cạn (con gà, con, con chó, con mèo, con heo...)

	Từ 24/3 đến 28/3/2025	Những con vật biết bay (con chim, con bướm, chuồn chuồn...)
* Con vật sống trong rừng (2 tuần) (10/03 Giỗ Tổ Hùng Vương AL)	Từ 31/03 đến 04/04/2025	Con vật sống trong rừng (Gấu, voi)
	Từ 07/04 đến 11/04/2025	Đố bé con vật gì? (Con khỉ, con hổ)
* Mùa hè bé yêu (3 tuần) (Ngày giải phóng Miền Nam 30/4 và Quốc tế lao động 1/5)	Từ 14/04 đến 18/4/2025	Bé yêu mùa hè
	Từ 21/04 đến 25/4/2025	Thời tiết + Trang phục mùa hè
	Từ 28/04 đến 02/5/2025	Tổ chức hoạt động trải nghiệm
	Từ 05/5 đến 10/05/2025	Ăn, uống phù hợp mùa hè
Bác GHồ với các cháu thiếu nhi (2 tuần) ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6 (Từ ngày 28/5 ->31/5/2025)	Từ 12/05 đến 16/05/2025	Bác Hồ
	Từ 19/05 đến 23/05/2025	Bé lên mẫu giáo

D/ PHẦN IV: CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

NHÀ TRẺ: Nhóm 25 – 36 tháng tuổi:

THỜI GIAN	NỘI DUNG CÔNG VIỆC TRONG NGÀY
6^h 30 → 7^h 00	Vệ sinh lớp – Đón trẻ
7^h 00 → 7^h 15	Thể dục sáng - Điểm danh
7^h 15 → 8^h 00	Ăn sáng
8^h 00 → 8^h 40	Hoạt động ngoài trời - Vệ sinh
8^h 40 → 9^h 10	Hoạt động có chủ định – Chơi trò chơi ngắn
9^h 10 → 10^h	Hoạt động vui chơi
10^h → 11^h 10	Vệ sinh - Ăn trưa
11^h 10 → 11^h 30	Chơi tự do
11^h 30 → 14^h 00	Ngủ Trưa

14^h00 → 14^h 30	Vệ sinh – Vận động nhẹ - Ăn phụ
14^h30 → 15^h 00	Hoạt động chiều ; Hoạt động phòng máy
15^h00 → 16^h 00	Vệ sinh - Ăn chiều
16^h00 → 16^h 30	Chơi tự do
16^h30 → 17^h 10	Vệ sinh - Trả trẻ

Giáo viên



Hoàng Thị Lệ



Ngô Hồng Vui

PHÊ DUYỆT CỦA PHÓ HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MN HOA LAN

Thống nhất kế hoạch giáo dục của nhóm trẻ 25-36 tháng

PHÓ HIỆU TRƯỞNG/ CM



